

Số : 178/QĐ-THVK

Mạo Khê, ngày 30 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai tình hình thực hiện thu-chi ngân sách quý II năm 2025 và thu-chi dịch vụ, thu khác quý II năm 2025 của trường tiểu học Vĩnh Khê

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC VĨNH KHÊ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1185/QĐ-PGD&ĐT ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Đông Triều "Về việc phê duyệt dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025";

Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-PGD&ĐT ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Đông Triều "Về việc phê duyệt dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025";

Căn cứ Quyết định số 235/QĐ-PGD&ĐT ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Đông Triều "Về việc phê duyệt bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước (nguồn kinh phí trợ cấp có mục tiêu của tỉnh) năm 2025";

Căn cứ Quyết định số 601/QĐ-PGD&ĐT ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Đông Triều "Về việc phê duyệt bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước (nguồn kinh phí trợ cấp có mục tiêu của tỉnh) năm 2025";

Căn cứ Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách, tiền gửi tại Kho bạc nhà nước quý II năm 2025 và sổ kế toán nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện thu-chi ngân sách quý II năm 2025 và thu-chi dịch vụ, thu khác quý II năm 2025 của trường tiểu học Vĩnh Khê (đính kèm biểu số 03).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Giám hiệu nhà trường và các bộ phận có liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận :

- BGH nhà trường;
- Như Điều 3;
- Lưu.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Nguyệt

Đơn vị: TRƯỜNG TH VINH KHÊ, TP ĐÔNG TRIỀU

Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mạo Khê, ngày 30 tháng 06 năm 2025

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2025
VÀ THU-CHI DỊCH VỤ, THU KHÁC QUÝ II NĂM 2025**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường tiểu học Vĩnh Khê, thành phố Đông Triều công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi quý II (06 tháng năm 2025)/cả năm như sau:

ĐV tính: Đồng

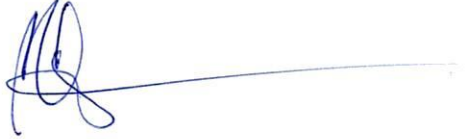
Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Thực hiện quý II năm 2025	Thực hiện quý II/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý II năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0	0	
I	Số thu phí, lệ phí	0	0	0	
1	Học phí	0	0	0	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0	0	0	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0	0	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	16.659.339.000	7.371.477.221	44,25	
I.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	14.790.315.000	6.801.458.805	45,99	
	Trong đó:				
<u>1</u>	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	<u>12.235.252.000</u>	<u>5.942.840.579</u>	<u>48,6</u>	
	Mục 6000	6.652.568.000	3.230.791.200	48,6	
	Mục 6050	-	0	-	
	Mục 6100	3.611.160.000	1.760.749.001	48,8	
	Mục 6200	43.524.000	42.822.000	98,4	
	Mục 6250	28.000.000	3.740.000	13,4	

	Mục 6300	1.810.000.000	876.847.378	48,4	
	Mục 6400	90.000.000	27.891.000	31,0	
2	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	2.305.063.000	765.879.226	33,2	
	Mục 6500	260.000.000	91.235.899	35,1	
	Mục 6550	380.000.000	116.835.000	30,7	
	Mục 6600	55.000.000	19.519.350	35,5	
	Mục 6650	7.000.000	0	-	
	Mục 6700	35.000.000	7.720.000	22,1	
	Mục 6750	89.280.000	49.600.000	55,6	
	Mục 6900	650.000.000	209.373.760	32,2	
	Mục 6950	100.000.000	0	-	
	Mục 7000	728.783.000	271.595.217	37,3	
	Mục 7050	-			
3	<u>Các khoản chi khác</u>	250.000.000	92.739.000	37,1	
	Mục 7750	250.000.000	92.739.000	37,1	
I.1	<u>Kinh phí không tự chủ</u>	1.869.024.000	570.018.416	30,5	
1	Chi trả tiền công lao động HĐ theo QĐ 3885/QĐ-UBND ngày 14/12/2024	312.444.000	129.772.020	41,5	
2	Chi hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP, Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND	33.750.000	18.000.000	53,3	
3	Chi chế độ cho giáo viên dạy học sinh khuyết tật	555.857.000	253.449.396	45,6	
4	Chi kinh phí mua sách thư viện	29.990.000	27.659.000	92,2	
5	Chi kinh phí phần mềm LMS	7.000.000	7.000.000	100,0	
6	Chi bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ quản lý và giáo viên	23.600.000	20.800.000	88,1	
7	Chi trả tiền công cho nhân viên bảo vệ, vệ sinh	208.320.000	94.240.000	45,2	
8	Chi khen thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ năm 2024	672.263.000	0	-	

9	Chi mua thiết bị dạy học	25.800.000	19.098.000	74,0	
C	Thu, chi dịch vụ, thu khác			-	
I	Dư đầu kỳ (31/03/2025)		11.292.183	-	
1	Nguồn lãi, phí tiền gửi		139.323		
2	Nguồn khen thưởng (TK tiền gửi kho TK kho bạc nhà nước)		3.312.000		
3	Nguồn chăm sóc sức khỏe ban đầu HS (TK tiền gửi kho TK kho bạc nhà nước)		7.840.860		
II	Tổng số thu	114.148.618	114.148.618	100	
II.1	Thu dịch vụ	25.648	25.648	100	
1	Nguồn lãi, phí tiền gửi 3713	25.648	25.648	100	
II.2	Thu khác	114.122.970	114.122.970	100	
1	Nguồn khen thưởng (Tập thể LĐTT, CSTĐ cơ sở, UBND thành phố khen, sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng)	40.472.000	40.472.000	100	
2	Nguồn điện điều hòa	15.845.970	15.845.970	100	
3	Nguồn nước uống học sinh	57.805.000	57.805.000	100	
III	Tổng số chi	108.770.970	108.770.970	100,0	
III.1	Chi dịch vụ	20.000	20.000	100,0	
1	Nguồn lãi, phí tiền gửi 3713 (chi phí chuyển tiền TK 3713)	20.000	20.000	100	
III.2	Chi khác	108.750.970	108.750.970	100,00	
1	Nguồn khen thưởng (CSTĐ cơ sở, UBND thành phố khen)	35.100.000	35.100.000	100	
2	Nguồn điện điều hòa	15.845.970	15.845.970	100	
3	Nguồn nước uống học sinh	57.805.000	57.805.000	100	
IV	Dư cuối kỳ (30/06/2025)		16.669.831		
1	Nguồn lãi, phí tiền gửi		144.971		

2	Nguồn khen thưởng (TK tiền gửi kho TK kho bạc nhà nước)		8.684.000		
3	Nguồn chăm sóc sức khỏe ban đầu HS (TK tiền gửi kho TK kho bạc nhà nước)		7.840.860		

Lập biểu



Nguyễn Hương Bưởi

Mạo Khê, ngày 30 tháng 06 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Nguyệt